VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TƯ PHÁP

Văn bản hợp nhất số 3112/VBHN-BTP ngày 05 tháng 6 năm 2024 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

(Tiếp theo Công báo số 773 + 774)

Phụ lục I
CÁC MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
(Kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

I. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH MỚI, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ

Mẫu số 26. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (quy định trực tiếp)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../QĐ-UBND	*...(3)..., ngày... tháng... năm 20...(2)...*

QUYẾT ĐỊNH

.....(4).....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ..... (5) .....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

.....(6).....

.....

Điều 1......

.....

Điều......

.....

..... (6).....

.....

Điều......

.....

Điều......

..... .

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(8). A. XX(9).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên xã, phường, thị trấn, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Tên quyết định.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Nội dung của quyết định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ ký viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 27. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (ban hành Quy định/Quy chế...)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20... (2).../QĐ-UBND	*... (3)..., ngày... tháng... năm 20... (2)...*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành..... (4).....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng.... năm.....;
Căn cứ.....(5) .....;
Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này..... (6).....
.....

Điều 2......
.....

Điều......
.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(8). A.XX(9).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên xã, phường, thị trấn, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Tên quyết định.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Tên Quy định/Quy chế...

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã

(*) ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ...
..... (2).....
(Kèm theo Quyết định số.../20.../QĐ-UBND
ngày... tháng... năm 20... của Ủy ban nhân dân xã...(1))

..... (3).....

.....

Điều 1......

.....

Điều......

.....

..... (3).....

.....

Điều......

.....

Điều......

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành Quy định/Quy chế...

(2) Tên Quy định/Quy chế...

(3) Nội dung của Quy định/Quy chế...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

II. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU

Mẫu số 28. Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp)

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1).../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (1)...*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định..... (2)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(3).....;

Theo đề nghị của.....(4) .....;

Chính phủ ban hành Nghị định.....(2).....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định... (2)...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều..... như sau:

"**Điều** (tên Điều).. .....
.....".

2. Bổ sung Điều .....
.....".

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Nghị định... (2)...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều.....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều.... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có)

Điều.... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày.....

2. Điều khoản chuyển tiếp (nếu có).....

3. Nghị định này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(6). A.XX(7).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG (5)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên nghị định được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(5) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 29. Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1).../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...(1)...*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục..... ..... ban hành kèm theo Nghị định...(2).....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(3).....;

Theo đề nghị của.....(4).....;

Chính phủ ban hành Nghị định.....(2).....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Nghị định... (2)...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:

"**Điều** (tên Điều)**.** ...."

2. Bổ sung Điều... ....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Nghị định... (2)...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều .....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều .....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Nghị định này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(6). A.XX(7).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG (5)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên nghị định được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(5) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 30. Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều

CHÍNH PHỦ - ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....(*)/20... (1).../NQLT-CP-ĐCTUBTƯMTTQVN	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (1)...*

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết liên tịch... (2)...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(3).....;

Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết liên tịch.....(2).....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết liên tịch... (2)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:

"**Điều** (tên Điều)**.** ...."

2. Bổ sung Điều..... ....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Nghị quyết liên tịch... (2)

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều .....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.... .....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Nghị quyết này bãi bỏ (nếu có).....

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM **CHỦ TỊCH (4b)** *(Chữ ký, dấu)*	**TM. CHÍNH PHỦ** **THỦ TƯỚNG (4a)** *(Chữ ký, dấu)*
Họ và tên	**Họ và tên**

Nơi nhận:
- .....;
- Lưu: VT(...),...(5). A.XX(6).

Ghi chú:

(*) Nghị quyết liên tịch sửa đổi, bổ sung được đăng ký và ghi số thứ tự tại văn thư cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

(1) Năm ban hành nghị quyết liên tịch.

(2) Số ký hiệu, tên nghị quyết liên tịch được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4a) và (4b): Trường hợp Chính phủ chủ trì soạn thảo thì Thủ tướng Chính phủ ký thay mặt Chính phủ; trường hợp Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì soạn thảo thì Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ký thay mặt Đoàn Chủ tịch và chuyển (4b) sang vị trí của (4a).

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia và số lượng bản lưu. Nghị quyết liên tịch được lưu tại văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo; lưu hồ sơ tại đơn vị soạn thảo của cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia ban hành.

(6) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 31. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1).../QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...(1)...*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định... (2).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Quyết định... (2)...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ..... (3).....;

Theo đề nghị của..... (4).....;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định .....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định... (2).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục..... ban hành kèm theo Quyết định... (2)...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:

"**Điều** (tên Điều)**.** ...."

2. Bổ sung Điều ...."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Quyết định... (2).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/ Quy chế/Điều lệ/Danh mục..... ban hành kèm theo Quyết định... (2)...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm... khoản.... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Quyết định này bãi bỏ (nếu có).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(6). A.XX(7).

THỦ TƯỚNG (5)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên quyết định được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ soạn thảo quyết định.

(5) Thủ tướng Chính phủ; trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 32. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1).../NQ-HĐTP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (1)....*

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết... (2)...

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(3).....;

Để áp dụng đúng và thống nhất quy định tại.....(4).....;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết... (2)...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:

"**Điều** (tên Điều)**.**.....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Nghị quyết... (2)...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều .....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có)..... ..

3. Nghị quyết này bãi bỏ (nếu có).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(5). A.XX(6).

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên nghị quyết được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Quy định cần hướng dẫn áp dụng.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị của Tòa án nhân dân tối cao chủ trì trình dự thảo nghị quyết và số lượng bản lưu.

(6) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 33. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)

TÊN CƠ QUAN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../TT- ... (3)...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (2)...*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Thông tư... (4)...

Căn cứ.....(5).....;

Theo đề nghị của..... (6).....;

Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang bộ/Chánh án Tòa án nhân dân tối cao/ Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư...(4).....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Thông tư... (4)...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:

"**Điều** (tên Điều)**.** .....
.....”

2. Bổ sung Điều .....
.....”

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Thông tư... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Thông tư... (4)...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều .....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày .....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Thông tư này bãi bỏ (nếu có).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, (8)... A.XX....(9)...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên bộ, cơ quan ngang bộ/Tòa án nhân dân tối cao/Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

(2) Năm ban hành.

(3) Chữ viết tắt tên bộ, cơ quan ngang bộ/Tòa án nhân dân tối cao/Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

(4) Số ký hiệu, tên thông tư được sửa đổi, bổ sung.

(5) Căn cứ pháp lý để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.

(7) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ/Chánh án/Viện trưởng; trường hợp cấp phó được giao ký thay người đứng đầu cơ quan thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 34. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ sửa đổi, bổ sung một số điều

CƠ QUAN - CƠ QUAN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...(*)/20... (2).../TTLT- ...(3)...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (2)...*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch... (4)...

Căn cứ.....(5).....;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ liên tịch.... (4)...

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch... (4)...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều như sau:

"**Điều** (tên điều)**.**. .....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Thông tư liên tịch... (4)

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều .....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Thông tư liên tịch này bãi bỏ (nếu có).....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (6b) *(Chữ ký, dấu)*	**CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (6a) *(Chữ ký, dấu)*
Họ và tên	**Họ và tên**

Nơi nhận:
- .....;
- Lưu: VT,...(7). A.XX.(8).

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ trì và tên cơ quan khác tham gia ban hành thông tư liên tịch.

(*) Thông tư liên tịch được đăng ký và ghi số thứ tự tại văn thư của cơ quan chủ trì soạn thảo.

(2) Năm ban hành.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan chủ trì và tên cơ quan tham gia ban hành thông tư liên tịch.

(4) Số ký hiệu, tên thông tư liên tịch được sửa đổi, bổ sung.

(5) Căn cứ pháp lý để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6a) Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch.

(6b) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan đồng ban hành thông tư liên tịch; chức vụ của người ký thông tư liên tịch phải ghi đầy đủ, bao gồm chức danh và tên cơ quan, tổ chức; trường hợp cấp phó ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo cơ quan chủ trì và cơ quan (tổ chức) tham gia và số lượng bản lưu. Thông tư liên tịch được lưu tại văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo; lưu hồ sơ tại đơn vị soạn thảo của cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia ban hành.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 35. Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán)

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1).../QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (1)...*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định... (2).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán... ban hành kèm theo Quyết định... (2)...

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ..... (3).....;

Theo đề nghị của..... (4).....;

Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định...(2).....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định... (2).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán... ban hành kèm theo Quyết định... (2).....

1. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:

"**Điều** (tên Điều)**.** .....
..... "

2. Bổ sung Điều .....
..... "

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Quyết định... (2).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán... ban hành kèm theo Quyết định... (2)

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều .....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều .....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Quyết định này bãi bỏ (nếu có).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....(6)... A.XX(7).

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (5)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên quyết định được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.

(5) Trường hợp Phó Tổng Kiểm toán nhà nước được giao ký thay Tổng Kiểm toán nhà nước thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Tổng Kiểm toán, bên dưới ghi Phó Tổng Kiểm toán nhà nước.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 36. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../NQ-HĐND	*... (3)..., ngày... tháng... năm 20... (2)...*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo Nghị quyết... (4)...

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN... (1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(5).....;

Xét Tờ trình.....; Báo cáo thẩm tra của.....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo Nghị quyết... (4)...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:

"**Điều** (tên Điều)**.** .....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Nghị quyết... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo Nghị quyết... (4)...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm... khoản..... Điều .....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều .....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Nghị quyết này bãi bỏ (nếu có).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(7). A.XX(8).

CHỦ TỊCH (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn, nơi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đóng trụ sở.

(4) Số ký hiệu, tên nghị quyết được sửa đổi, bổ sung.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 37. Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...)

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../QĐ-UBND	*... (3)..., ngày... tháng... năm 20... (2)...*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế ban hành kèm theo Quyết định... (4)...

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ..... (5).....;

Theo đề nghị của..... (6).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo Quyết định... (4)...:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều.... như sau:

"**Điều** (tên Điều)**.** .....
..... "

2. Bổ sung Điều .....
..... "

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Quyết định... (4).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo Quyết định... (4)...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm... khoản.... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều .....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều .....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều.....

Điều... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều... Điều khoản thi hành .....

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Quyết định này bãi bỏ (nếu có).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(8). A.XX(9).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Ủy ban nhân dân ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Số ký hiệu, tên quyết định được sửa đổi, bổ sung.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị soạn thảo quyết định.

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

III. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mẫu số 38. Nghị định của Chính phủ bãi bỏ Nghị định/các nghị định của Chính phủ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20... (1).../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày... tháng.... năm 20... (1)...*

NGHỊ ĐỊNH
Bãi bỏ Nghị định (2)/các nghị định của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày... tháng.... năm.....;

Căn cứ.....(3).....;

Theo đề nghị của.....(4).....;

Chính phủ ban hành Nghị định bãi bỏ Nghị định (2)/các nghị định.....

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị định (2)/các nghị định

Bãi bỏ toàn bộ Nghị định (2)/các nghị định sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Nghị định (2)/các nghị định (nếu có)

Bãi bỏ Điều/khoản/điểm của Nghị định.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT,...(6). A.XX(7).	**TM. CHÍNH PHỦ** **THỦ TƯỚNG (5)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên nghị định bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của nghị định).

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(5) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 39. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1).../QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (1)...*

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần Quyết định (2)/các quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(3).....;

Theo đề nghị của..... (4).....;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định.....

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (2)/các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (2)/các quyết định sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Quyết định (2)/các quyết định

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Quyết định số.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT,...(6). A.XX(7).	**THỦ TƯỚNG (5)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên quyết định bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của quyết định).

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo quyết định.

(5) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 40. Thông tư bãi bỏ Thông tư/các thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

CƠ QUAN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../TT- ... (3)...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (2)...*

THÔNG TƯ
Bãi bỏ Thông tư (4)/các thông tư... (1)...

Căn cứ.....(5).....;

Theo đề nghị của.....(6).....;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao/Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao/Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành Thông tư.....

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Thông tư (4)/các thông tư

Bãi bỏ toàn bộ Thông tư (4)/các thông tư sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Thông tư (4)/các thông tư

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Thông tư.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT,...(8). A.XX(9).	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tên bộ, cơ quan ngang bộ ban hành thông tư.

(2) Năm ban hành.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành thông tư.

(4) Tên thông tư bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của thông tư).

(5) Căn cứ pháp lý để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.

(7) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

Mẫu số 41. Quyết định của Tổng Kiểm toán bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1).../QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20... (1)...*

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ Quyết định (2)/các quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(3).....

Theo đề nghị của.....(4).....

Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định.....

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (2)/các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (2)/các quyết định sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Quyết định (2)/các quyết định (nếu có)

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Quyết định.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT,...(6). A.XX(7).	**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (5)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên quyết định bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của quyết định).

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Chức danh của thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo.

(5) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Tổng Kiểm toán nhà nước, bên dưới ghi Phó Tổng Kiểm toán nhà nước.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 42. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân bãi bỏ Nghị quyết/các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp[119]

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...(2).../NQ-HĐND	*...(3)..., ngày... tháng... năm...(2)...*

NGHỊ QUYẾT
Bãi bỏ Nghị quyết...(4).../các nghị quyết của Hội đồng nhân dân...(1)...

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN... (1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(5).....;

Xét Tờ trình.....; Báo cáo thẩm tra của....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết (4)/các nghị quyết

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết (4)/các nghị quyết sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Nghị quyết (4)/các nghị quyết (nếu có)

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Nghị quyết.....

[119] Mẫu số 42 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được thay thế bởi Mẫu số 42 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân...(1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm... và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(7). A.XX(8).

CHỦ TỊCH (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương/xã, phường, thị trấn ban hành nghị quyết.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương/xã, phường, thị trấn, nơi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đóng trụ sở.

(4) Tên nghị quyết bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của nghị quyết).

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(7) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 43. Quyết định của Ủy ban nhân dân bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../QĐ-UBND	*...(3)..., ngày... tháng... năm 20...(2)...*

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ Quyết định (4)/các quyết định của Ủy ban nhân dân (1).....

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(5).....;

Theo đề nghị của.....(6).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (4)/các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (4)/các quyết định sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Quyết định (4)/các quyết định (nếu có)

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Quyết định.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT,...(8). A.XX(9).	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH (7)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Tên quyết định bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của quyết định).

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Cơ quan đề nghị.

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

IV. MẪU PHỤ LỤC

Mẫu số 44. Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật

Phụ lục

(Ban hành kèm theo.....)

Phụ lục I *(nếu có)*

(TÊN CỦA PHỤ LỤC)

.....

.....

Phụ lục II *(nếu có)*

(TÊN CỦA PHỤ LỤC)

.....

.....

Phụ lục... *(nếu có)*

(TÊN CỦA PHỤ LỤC)

.....

.....

Phụ lục II

SƠ ĐỒ, BỐ TRÍ CÁC THÀNH PHẦN THỂ THỨC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT[120]

(Kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÁC THÀNH PHẦN THỂ THỨC VĂN BẢN

(Trên một trang giấy khổ A4: 210 mm x 297 mm)

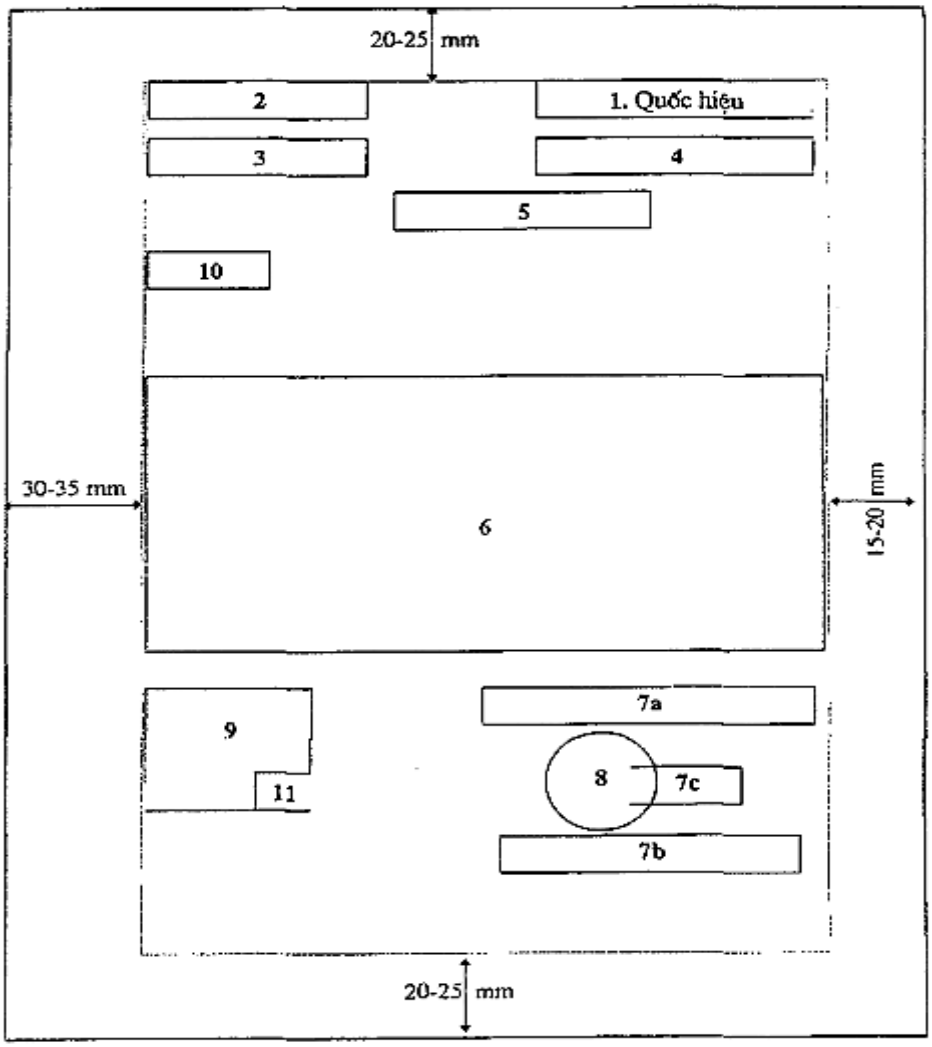

[120] Tên Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Ghi chú:

Ô số	**: Thành phần thể thức văn bản**
1	: Quốc hiệu và Tiêu ngữ
2	: Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản
3	: Số, ký hiệu của văn bản
4	: Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản
5	: Tên văn bản
6	: Nội dung văn bản
7a, 7b, 7c	: Chức vụ, họ tên và chữ ký của người có thẩm quyền
8	: Dấu của cơ quan, tổ chức
9	: Nơi nhận
10	: Dấu chỉ mức độ mật
11	: Ký hiệu người đánh máy và số lượng bản phát hành

Phụ lục III
CÁC MẪU VỀ KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT[121]

(Kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu phiếu kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
Mẫu số 02	Sổ theo dõi xử lý văn bản trái pháp luật

[121] Tên Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Mẫu số 01. Mẫu phiếu kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

Người kiểm tra văn bản:

Cơ quan/đơn vị công tác:

Văn bản được kiểm tra:

STT	Dấu hiệu trái pháp luật	Căn cứ pháp lý	Ý kiến của người kiểm tra	
			Về dấu hiệu trái pháp luật	Đề xuất xử lý

Mẫu số 02. Sổ theo dõi xử lý văn bản trái pháp luật

Tên cơ quan lập sổ theo dõi

SỔ THEO DÕI XỬ LÝ VĂN BẢN TRÁI PHÁP LUẬT

NĂM:

STT	Văn bản trái pháp luật[1]	Đề xuất xử lý				Kết quả xử lý		Ghi chú
		Văn bản đề xuất[2]	Nội dung đề xuất	Người ký	Cơ quan/ người có trách nhiệm xử lý	Văn bản xử lý[3]	Nội dung xử lý	
1								
2								

[1] Ghi rõ tên, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, tên cơ quan ban hành, tên văn bản.

[2] Ghi rõ tên, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản đề xuất.

[3] Ghi rõ tên, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản xử lý.

Phụ lục IV
CÁC MẪU VỀ RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT[122]
(Kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số 01 Phiếu rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Mẫu số 02 Sổ theo dõi văn bản quy phạm pháp luật được rà soát

Mẫu số 03 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ

Mẫu số 04 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần

Mẫu số 05 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực

Mẫu số 06 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới

[122] Tên Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Mẫu số 01. Phiếu rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản được rà soát[1]:

Người rà soát văn bản:

Cơ quan/đơn vị công tác:

Thời điểm rà soát văn bản (ngày/tháng/năm):

STT	Nội dung rà soát[2]	Căn cứ rà soát	Ý kiến xem xét, đánh giá của người rà soát	Ý kiến đề xuất
1				
2				
3				
4				

Người rà soát[3]

[1] Ghi rõ tên, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành; cơ quan ban hành văn bản được rà soát.

[2] Nội dung rà soát văn bản theo quy định tại Điều 147 và Điều 148 Nghị định này.

[3] Người rà soát ký, ghi rõ họ, tên.

Mẫu số 02. Sổ theo dõi văn bản quy phạm pháp luật được rà soát

Tên cơ quan lập sổ theo dõi

SỔ THEO DÕI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT

NĂM:

STT	Văn bản được rà soát[1]	Kết quả rà soát					Kết quả xử lý		Ghi chú
		Căn cứ rà soát	Thời điểm rà soát (ngày/tháng/năm)	Nội dung được kiến nghị xử lý	Hình thức kiến nghị xử lý	Cơ quan/người có trách nhiệm xử lý	Văn bản xử lý[2]	Nội dung đã được xử lý, hình thức xử lý	
THÁNG 01									
1									
2									
...									
THÁNG 02									
1									
2									
....									
THÁNG...									

[1] Ghi rõ tên, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành; tên cơ quan ban hành văn bản được rà soát.

[2] Ghi rõ tên, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành; văn bản xử lý văn bản được rà soát.

Mẫu số 03.

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của....[1].... năm.../(hoặc) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của...[2]... trong kỳ hệ thống hóa...[3]

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM...

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1					
2					
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1					
2					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/...[4]

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1					
2					
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1					
2					

[1] Tên cơ quan rà soát văn bản.

[2] Tên cơ quan rà soát, hệ thống hóa văn bản.

[3] Tên danh mục có thể thay đổi căn cứ vào mục đích, phạm vi, đối tượng hệ thống hóa văn bản, tổng rà soát văn bản hay rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

[4] Trường hợp văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố thì cơ quan rà soát đưa văn bản đó vào danh mục văn bản để công bố.

Mẫu số 04.

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của...[1]... năm.../(hoặc) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của...[2]... trong kỳ hệ thống hóa...[3]

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM...

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
1					
2					
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
1					
2					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/...[4]

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
1					
2					
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
1					
2					

[1] Tên cơ quan rà soát văn bản.

[2] Tên cơ quan rà soát, hệ thống hóa văn bản.

[3] Tên danh mục có thể thay đổi căn cứ vào mục đích, phạm vi, đối tượng hệ thống hóa văn bản, tổng rà soát văn bản hay rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

[4] Trường hợp văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc đối tượng của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố thì cơ quan rà soát đưa văn bản đó vào danh mục văn bản để công bố.

Mẫu số 05.

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của....[1].... trong kỳ hệ thống hóa...[2]

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú[3]
I. LĨNH VỰC...					
1					
2					
...					
II. LĨNH VỰC...					
1					
2					
...					
... LĨNH VỰC...					
1					
2					
...					
Tổng số[4]:... văn bản					

[1] Tên cơ quan rà soát, hệ thống hóa văn bản.

[2] Tên danh mục có thể thay đổi căn cứ vào mục đích, phạm vi, đối tượng hệ thống hóa văn bản, tổng rà soát văn bản hay rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

[3] Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ "Chưa có hiệu lực" hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ "Hết hiệu lực một phần".

[4] Tổng số văn bản còn hiệu lực, gồm cả văn bản chưa có hiệu lực và văn bản hết hiệu lực một phần.

Mẫu số 06.

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của...[1]... trong kỳ hệ thống hóa...[2]

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản[3]	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
1							
2							
3							

[1] Tên cơ quan rà soát, hệ thống hóa văn bản.

[2] Tên danh mục có thể thay đổi căn cứ vào mục đích, phạm vi, đối tượng hệ thống hóa văn bản, tổng rà soát văn bản hay rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

[3] Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này.

Phụ lục V
MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH, TỜ TRÌNH, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT[123]

(Kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách[124]
Mẫu số 02	Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật[125]
Mẫu số 03	Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật[126]

[123] Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 được thay thế bởi Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[124] Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được thay thế bởi Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[125] Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được thay thế bởi Mẫu số 02 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[126] Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được thay thế bởi Mẫu số 03 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Mẫu số 04	Đề cương chi tiết dự thảo luật của Quốc hội
Mẫu số 05	Đề cương chi tiết dự thảo pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội
Mẫu số 06	Đề cương chi tiết dự thảo nghị định của Chính phủ
Mẫu số 07	Đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 08	Đề cương chi tiết dự thảo luật của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 09	Đề cương chi tiết dự thảo pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 10	Đề cương chi tiết dự thảo nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 11	Đề cương chi tiết nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 12	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật[127]
Mẫu số 13	Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật[128]

[127] Mẫu số 12 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[128] Mẫu số 13 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Mẫu số 14	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật/dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật[129]

[129] Mẫu số 14 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Mẫu số 01. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách[130]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC- ...(2)...	*...(3)..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Đánh giá tác động của chính sách
trong đề nghị xây dựng/dự án, dự thảo....(4).....

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Bối cảnh quốc tế, khu vực liên quan đến các chính sách (nếu có).

- Bối cảnh trong nước (chính trị, pháp lý, kinh tế - xã hội...) liên quan đến các chính sách.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Phần này liệt kê từng vấn đề cần giải quyết. Nội dung phân tích từng vấn đề bao gồm: xác định vấn đề (mô tả vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả, nguyên nhân của vấn đề); mục tiêu giải quyết vấn đề; các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề; đánh giá tác động tích cực (lợi ích) và tác động tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp; kiến nghị lựa chọn giải pháp tối ưu trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tác động tiêu cực của các giải pháp.

1. Chính sách 1: Tên gọi của chính sách

1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

---

[130] Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được thay thế bởi Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

1.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động về giới (nếu có):

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

1.3. Lựa chọn giải pháp

2. Chính sách 2:

n. Chính sách n:...

III. PHỤ LỤC

- Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có).

- Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....(6).A.XX(7)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (5)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo.

(3) Địa danh.

(4) Tên đề nghị xây dựng/dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

(5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì xây dựng báo cáo và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo, số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02. Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật[131] *(áp dụng đối với đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật)*

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../TTr- ... (2)...	*...(3)..., ngày... tháng... năm...*

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng...(4)...

Kính gửi:..... (5).....

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật... (1)... kính trình... (5)... đề nghị xây dựng... (4)... như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

2. Cơ sở thực tiễn

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

2. Quan điểm xây dựng văn bản

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

---

[131] Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được thay thế bởi Mẫu số 02 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Chính sách 1: Tên gọi của chính sách

- Mục tiêu của chính sách

- Nội dung của chính sách

- Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn

2. Chính sách 2:...

n. Chính sách n:...

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng..... (4)....,... (1)... xin kính trình.... (5).... xem xét, quyết định.

(*Xin gửi kèm theo*:... (6)).

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....(8).A.XX(9)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị xây dựng văn bản. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức đề nghị xây dựng văn bản.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức đề nghị xây dựng văn bản.

(3) Địa danh.

(4) Tên luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị định của Chính phủ; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền xem xét đề nghị xây dựng văn bản.

(6) Các tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(7) Ghi quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan đề nghị xây dựng văn bản.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì lập đề nghị và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo, số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 03. Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật[132]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../TTr- ... (2)...	*...(3)..., ngày... tháng... năm...*

TỜ TRÌNH
Dự án, dự thảo... (4)...

Kính gửi:..... (5).....

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.... (1)... kính trình... (5)... dự án, dự thảo... (4)... như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

2. Cơ sở thực tiễn

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

2. Quan điểm xây dựng dự án, dự thảo văn bản

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

---

[132] Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được thay thế bởi Mẫu số 03 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản[(i)]

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN (NẾU CÓ)

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự án, dự thảo..... (4)...., ... (1)... xin kính trình.... (5).... xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo:... (6)).

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....(8).A.XX(9)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình văn bản. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức trình văn bản.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức trình văn bản.

(3) Địa danh.

(4) Tên văn bản quy phạm pháp luật.

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền xem xét dự án, dự thảo văn bản.

(6) Các tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(7) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo, số lượng bản phát hành (nếu cần).

[(i)] Đối với dự án, dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải thuyết minh những nội dung chính, quan trọng được kế thừa; nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; nội dung phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính (nếu có) trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ các nội dung cơ bản của dự thảo văn bản ngay trong Tờ trình hoặc tại phụ lục kèm theo Tờ trình.

Mẫu số 04. Đề cương chi tiết dự thảo luật của Quốc hội

QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Luật số:.../20.../QH...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

LUẬT (*)

... (1)...

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật... (1)...

Phần I (nếu có)

(tên của phần)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (nếu có)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (nếu có)

Luật này quy định.....(2).....

Điều 2. Đối tượng áp dụng (nếu có)

Luật này áp dụng đối với.....(3).....

Điều 3. Giải thích từ ngữ (nếu có)

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "..." là... (4).....

Điều 4. (tên điều)

1.....(5).....

a).....

Chương... (6)

Điều......(7).....

Điều......

Chương...
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều... Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

2. Luật... (8)... số.../20.../QH... hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều... Quy định chuyển tiếp (nếu có)

1.....(9).....

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa..., kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Đối với đề cương chi tiết nghị quyết của Quốc hội, thực hiện theo mẫu nghị quyết của Quốc hội

(1) Tên luật.

(2) Liệt kê những vấn đề mà dự thảo luật điều chỉnh.

(3) Nếu tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, mà trong đó đã chỉ rõ các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của luật thì trong dự thảo luật không cần phải thiết kế điều riêng về đối tượng áp dụng. Trong trường hợp Điều 1 không chỉ rõ đối tượng áp dụng thì liệt kê các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà luật này sẽ áp dụng.

Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo luật.

(4) Chỉ thiết kế điều này nếu trong dự thảo luật có sử dụng các thuật ngữ chuyên môn cần phải được hiểu đúng và thống nhất.

(5) Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều (có thể quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm).

(6) Tùy thuộc nội dung của dự thảo luật có thể thiết kế thành chương, mục, tiểu mục. Thuyết minh rõ nội dung của chương, mục, tiểu mục (nếu cần). Nếu các điều đã thuyết minh thì không cần thuyết minh chương, mục, tiểu mục.

(7) Thuyết minh rõ nội dung của điều (có thể không cần thiết kế thành điều cụ thể).

(8) Liệt kê các luật của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày luật này có hiệu lực (nếu có).

(9) Thuyết minh lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp (nếu có).

Mẫu số 05. Đề cương chi tiết dự thảo pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Pháp lệnh số:.../20.../UBTVQH...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

PHÁP LỆNH (*)

... (1)...

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh...(1)...

Phần I (nếu có)

(tên của phần)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (nếu có)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (nếu có)

Pháp lệnh này quy định.....(2).....

Điều 2. Đối tượng áp dụng (nếu có)

Pháp lệnh này áp dụng đối với.....(3).....

Điều 3. Giải thích từ ngữ (nếu có)

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "..." là...(4).....

Điều 4. (tên điều)

1.....(5).....

a).....

Chương... (6)

Điều......(7).....

Điều......

Chương...
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều... Hiệu lực thi hành

1. Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

2. Pháp lệnh...(8)... số.../20.../QH... hết hiệu lực kể từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực.

Điều... Quy định chuyển tiếp (nếu có)

1.....(9).....

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Đối với đề cương chi tiết nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thực hiện theo mẫu nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

(1) Tên pháp lệnh.

(2) Liệt kê những vấn đề mà dự thảo pháp lệnh điều chỉnh.

(3) Nếu tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, mà trong đó đã chỉ rõ các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của pháp lệnh thì trong dự thảo pháp lệnh không cần phải thiết kế điều riêng về đối tượng áp dụng. Trong trường hợp Điều 1 không chỉ rõ đối tượng áp dụng thì liệt kê các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà pháp lệnh này sẽ áp dụng.

Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo pháp lệnh.

(4) Chỉ thiết kế điều này nếu trong dự thảo pháp lệnh có sử dụng các thuật ngữ chuyên môn cần phải được hiểu đúng và thống nhất.

(5) Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều (có thể quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm).

(6) Tùy thuộc nội dung của dự thảo pháp lệnh có thể thiết kế thành chương, mục, tiểu mục. Thuyết minh rõ nội dung của chương, mục, tiểu mục (nếu cần). Nếu các điều đã thuyết minh thì không cần thuyết minh chương, mục, tiểu mục.

(7) Thuyết minh rõ nội dung của điều (có thể không cần thiết kế thành điều cụ thể).

(8) Liệt kê các pháp lệnh của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày pháp lệnh này có hiệu lực (nếu có).

(9) Thuyết minh lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp (nếu có).

Mẫu số 06. Đề cương chi tiết dự thảo nghị định của Chính phủ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20.../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ ĐỊNH

...(1)...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày... tháng.... năm.....;

Căn cứ.....(2).....;

Theo đề nghị của.....(3).....;

Chính phủ ban hành Nghị định.....(1).....

Phần I (nếu có)

(tên của phần)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (nếu có)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (nếu có)

Nghị định này quy định.....(4).....

Điều 2. Đối tượng áp dụng (nếu có)

Nghị định này áp dụng đối với.....(5).....

Điều 3. Giải thích từ ngữ (nếu có)

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:.....

1. "..." là.....(6).....

Điều 4. (tên điều)

1.....(7).....

a)...

Chương... (8)
QUY ĐỊNH...

Điều.....(9).....

Điều.....

Chương...
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều... Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

2. Nghị định... (10)... số.../.../NĐ-CP... hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều... Quy định chuyển tiếp (nếu có)

1.....(11).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.... A.XX.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Nghị định.

(2) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(3) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(4) Liệt kê những vấn đề mà dự thảo nghị định điều chỉnh. Thuyết minh về sự phù hợp của từng vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị định với tên gọi và mục đích ban hành nghị định.

(5) Nếu tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, mà trong đó đã chỉ rõ các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của nghị định thì trong dự thảo nghị định thì không cần phải thiết kế điều riêng về đối tượng áp dụng. Nếu chưa quy định tại Điều 1 thì liệt kê các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà nghị định sẽ áp dụng. Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị định.

(6) Chỉ thiết kế điều này nếu trong dự thảo nghị định có sử dụng các thuật ngữ chuyên môn cần phải được hiểu đúng và thống nhất.

(7) Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều (có thể quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm).

(8) Tùy thuộc nội dung của dự thảo nghị định có thể thiết kế thành chương, mục, tiểu mục. Thuyết minh rõ nội dung của chương, mục, tiểu mục (nếu cần). Nếu các điều đã thuyết minh thì không cần thuyết minh chương, mục, tiểu mục.

(9) Thuyết minh rõ nội dung của từng điều (không cần thiết kế thành điều khoản cụ thể).

(10) Liệt kê các nghị định của Chính phủ sẽ hết hiệu lực kể từ ngày nghị định này có hiệu lực (nếu có).

(11) Thuyết minh về lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp (nếu có).

Mẫu số 07. Đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:../20.../NQ-HĐND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ QUYẾT
..... (2).....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH... (1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ..... (3) .....;

Xét Tờ trình.....; Báo cáo thẩm tra của...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:
..... (4).....

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (nếu có)

Nghị quyết này quy định..... (5).....

Điều 2. Đối tượng áp dụng (nếu có)

Nghị quyết này áp dụng đối với..... (6).....

Điều 3. (tên điều)

..... (7).....

Điều. (quy định chuyển tiếp (nếu có). .....

.....

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân... (1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm...và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,... A.XX

CHỦ TỊCH

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành nghị quyết.

(2) Tên nghị quyết.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Nội dung của nghị quyết; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(5) Liệt kê những vấn đề mà dự thảo nghị quyết điều chỉnh. Thuyết minh về sự phù hợp của từng vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị quyết với tên gọi và mục đích ban hành nghị quyết.

(6) Nếu tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, mà trong đó đã chỉ rõ các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của nghị quyết thì trong dự thảo nghị quyết thì không cần phải thiết kế điều riêng về đối tượng áp dụng. Nếu chưa quy định tại Điều 1 thì liệt kê các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà nghị quyết này sẽ áp dụng. Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết.

(7) Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều (có thể quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm).

Mẫu số 08. Đề cương chi tiết dự thảo luật của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều

QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Luật số:.../20.../QH...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

LUẬT (*)
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật...(1)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật...(1).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật (1)...

1. Sửa đổi điểm.... khoản... Điều... (2).....

2. Bổ sung Điều..... (3).....

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Luật (1)...

1. Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Luật (1).....
.....

2. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Luật (1).....
.....

3. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ.....

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

2. Luật... (4)... số.../20.../QH... hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực.

3. Quy định chuyển tiếp (nếu có)..... (5).....

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa..., kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Đối với đề cương chi tiết nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều, thực hiện theo mẫu nghị quyết sửa đổi, bổ sung văn bản của Quốc hội.

(1) Tên, số ký hiệu của luật sửa đổi, bổ sung.

(2) Nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

(3) Nêu rõ nội dung của điều.

(4) Liệt kê các luật của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày luật này có hiệu lực (nếu có).

(5) Thuyết minh lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp.

Mẫu số 09. Đề cương chi tiết dự thảo pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Pháp lệnh số:.../20.../UBTVQH...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

PHÁP LỆNH (*)
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh...(1)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh...(1).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh (1)...

1. Sửa đổi điểm... khoản... Điều...(2).....

2. Bổ sung Điều.....(3).....

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Pháp lệnh (1)...

1. Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Pháp lệnh (1).....
.....

2. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Pháp lệnh (1).....

3. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ.....

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

2. Pháp lệnh...(4)...số.../20.../QH... hết hiệu lực từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực.

3. Quy định chuyển tiếp (nếu có)..... (5).....

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Đối với đề cương chi tiết nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thực hiện theo mẫu nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

(1) Tên, số ký hiệu của pháp lệnh sửa đổi, bổ sung.

(2) Nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

(3) Nêu rõ nội dung của điều.

(4) Liệt kê các pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày pháp lệnh này có hiệu lực.

(5) Thuyết minh lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp.

Mẫu số 10. Đề cương chi tiết dự thảo nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:... /20.../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...*
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT	

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ..... (2).....;

Theo đề nghị của..... (3).....;

Chính phủ ban hành Nghị định..... (1).....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định...(1)

1. Sửa đổi điểm.... khoản... Điều... (4).....

2. Bổ sung Điều..... (5).....

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị định...(1)

1. Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị định....(1)....

2. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị định...(1)...

3. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ.....(1).....

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

2. Nghị định... (6)... số.../.../NĐ-CP... hết hiệu lực từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....(7).....

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT,.... A.XX.	**TM. CHÍNH PHỦ** **THỦ TƯỚNG** **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên Nghị định sửa đổi, bổ sung.

(2) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(3) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(4) Nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

(5) Nêu rõ nội dung của điều.

(6) Liệt kê các nghị định của Chính phủ sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực (nếu có).

(7) Thuyết minh về lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp.

Mẫu số 11. Đề cương chi tiết nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20.../NQ-HĐND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết... (2).../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo Nghị quyết...(2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN... (1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm.....;

Căn cứ.....(3) .....;

Xét Tờ trình.....; Báo cáo thẩm tra của.....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết...(2)

1. Sửa đổi điểm.... khoản... Điều...(4).....

2. Bổ sung Điều.....(5).....

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị quyết...(2)

1. Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị quyết...(2)....

2. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị quyết...(2)...

3. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ.....

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

Quy định chuyển tiếp (nếu có).....(6).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.... A.XX.

CHỦ TỊCH

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành nghị quyết.

(2) Tên nghị quyết.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

(5) Nêu rõ nội dung của điều.

(6) Thuyết minh về lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp.

Mẫu số 12. Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật[133]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC- ...(2)...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo.... (3).....

I. BỐI CẢNH, YÊU CẦU

1. Bối cảnh xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

2. Yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

3. Việc thực hiện trình tự, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

II. NỘI DUNG LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI KHI TRIỂN KHAI THI HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

IV. KẾT LUẬN

V. PHỤ LỤC (nếu có)

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT,...(5). A.XX(6).	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(4)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

[133] Mẫu số 12 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo.

(3) Tên dự án, dự thảo.

(4) Ghi quyền hạn, chức vụ người ký.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì xây dựng báo cáo và số lượng bản lưu.

(6) Ký hiệu người soạn thảo và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 13. Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật[134]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC- ...(2)...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án, dự thảo... (3)...

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020),...(1).... đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án, dự thảo...(3).... Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự án, dự thảo: Qua rà soát đã xác định được có..... văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các văn bản sau (nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản: Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ...).

---

[134] Mẫu số 13 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

2. Kết quả cụ thể

Theo nhóm vấn đề hoặc theo điều, khoản: nêu rõ quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với thực tiễn; đề xuất phương án xử lý.

(Phụ lục - văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật).

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(5). A.XX(6).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(4)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo.

(3) Tên dự án, dự thảo.

(4) Ghi quyền hạn, chức vụ người ký.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì xây dựng báo cáo và số lượng bản lưu.

(6) Ký hiệu người soạn thảo và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN, DỰ THẢO... (3)...

NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)

Mẫu số 14. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật/dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật[135]

(*) TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	..(2).., ngày... tháng... năm...

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về đề nghị xây dựng/dự án, dự thảo...(3)...

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

(Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến và tổng số ý kiến nhận được).

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân,..(1)... đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

[135] Mẫu số 14 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng Bản tổng hợp. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng Bản tổng hợp.

(2) Địa danh.

(3) Tên đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật/dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Phụ lục VI

VIẾT HOA TRONG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT[136]

(Kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

I. VIẾT HOA VÌ PHÉP ĐẶT CÂU

1. Viết hoa chữ cái đầu âm tiết thứ nhất của một câu hoàn chỉnh: sau dấu chấm câu (.); sau dấu hai chấm trong ngoặc kép (:"..."); khi xuống dòng hoặc bắt đầu đoạn.

2. Viết hoa chữ cái đầu âm tiết thứ nhất của khoản, điểm.

II. VIẾT HOA DANH TỪ RIÊNG CHỈ TÊN NGƯỜI

1. Danh từ riêng chỉ tên người Việt Nam:

a) Tên thông thường: Viết hoa chữ cái đầu tất cả các âm tiết của danh từ riêng chỉ tên người.

Ví dụ: Nguyễn Ái Quốc, Trần Phú, Giàng A Pao, Kơ Pa Kơ Lơng.

b) Tên hiệu, tên gọi nhân vật lịch sử: Viết hoa chữ cái đầu tất cả các âm tiết.

Ví dụ: Vua Hùng, Bà Triệu, Ông Gióng, Đinh Tiên Hoàng, Lý Thái Tổ, Bác Hồ, Cụ Hồ.

2. Danh từ riêng chỉ tên người nước ngoài được phiên âm chuyển sang tiếng Việt:

a) Trường hợp phiên âm sang âm Hán - Việt: Viết theo quy tắc viết tên người Việt Nam.

Ví dụ: Kim Nhật Thành, Mao Trạch Đông, Thành Cát Tư Hãn.

b) Trường hợp phiên âm không sang âm Hán - Việt (phiên âm trực tiếp sát cách đọc của nguyên ngữ): Viết hoa chữ cái đầu âm tiết thứ nhất trong mỗi thành phần.

Ví dụ: Vla-đi-mia I-lích Lê-nin, Phri-đrích Ăng-ghen, Phi-đen Cat-xtơ-rô.

---

[136] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

III. VIẾT HOA TÊN ĐỊA LÝ

1. Tên địa lý Việt Nam:

a) Tên đơn vị hành chính được cấu tạo giữa danh từ chung (tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn) với tên riêng của đơn vị hành chính đó: Viết hoa chữ cái đầu của các âm tiết tạo thành tên riêng và không dùng gạch nối.

Ví dụ: thành phố Thái Nguyên, tỉnh Nam Định, tỉnh Đắk Lắk; quận Hải Châu, huyện Gia Lâm, huyện Ea H'leo, thị xã Sông Công, thị trấn Cầu Giát; phường Nguyễn Trãi, xã Ia Yeng, phường Điện Biên Phủ.

b) Trường hợp tên đơn vị hành chính được cấu tạo giữa danh từ chung kết hợp với chữ số: Viết hoa cả danh từ chung chỉ đơn vị hành chính đó.

Ví dụ: Phường 15, Quận 8.

c) Trường hợp viết hoa đặc biệt: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Tên địa lý được cấu tạo giữa danh từ chung chỉ địa hình (sông, núi, hồ, biển, cửa, bến, cầu, vũng, lạch, vàm v.v...) với danh từ riêng (có một âm tiết) trở thành tên riêng của địa danh đó: Viết hoa tất cả các chữ cái tạo nên địa danh.

Ví dụ: Cửa Lò, Vũng Tàu, Lạch Trường, Vàm Cỏ, Cầu Giấy.

Trường hợp danh từ chung chỉ địa hình đi liền với danh từ riêng: Không viết hoa danh từ chung mà chỉ viết hoa danh từ riêng.

Ví dụ: biển Cửa Lò, chợ Bến Thành, sông Vàm Cỏ, vịnh Hạ Long.

đ) Tên địa lý chỉ một vùng, miền, khu vực nhất định được cấu tạo bằng từ chỉ phương hướng kết hợp với từ chỉ phương thức khác: Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết tạo thành tên gọi. Đối với tên địa lý chỉ vùng, miền riêng được cấu tạo bằng từ chỉ phương hướng kết hợp với danh từ chỉ địa hình thì viết hoa các chữ cái đầu mỗi âm tiết.

Ví dụ: Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Bộ, Nam Kỳ, Nam Trung Bộ.

2. Tên địa lý nước ngoài được phiên âm chuyển sang tiếng Việt:

a) Tên địa lý đã được phiên âm sang âm Hán - Việt: Viết theo quy tắc viết hoa tên địa lý Việt Nam.

Ví dụ: Bắc Kinh, Bình Nhưỡng, Pháp, Anh, Mỹ, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha.

b) Tên địa lý phiên âm không sang âm Hán - Việt (phiên âm trực tiếp sát cách đọc của nguyên ngữ): Viết hoa theo quy tắc viết hoa tên người nước ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Mục II.

Ví dụ: Mát-xcơ-va, Men-bơn, Sing-ga-po, Cô-pen-ha-ghen, Béc-lin.

IV. VIẾT HOA TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

1. Tên cơ quan, tổ chức của Việt Nam:

Viết hoa chữ cái đầu của các từ, cụm từ chỉ loại hình cơ quan, tổ chức; chức năng, lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức. Ví dụ:

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng; Ban Nội chính Trung ương; Ban Kinh tế Trung ương,...;

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Hội đồng Dân tộc; Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Tư pháp; Ủy ban Pháp luật...

- Ban Công tác đại biểu; Ban Dân nguyện;

- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;

- Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; Kiểm toán nhà nước;

- Bộ Tư pháp; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Chính phủ; Ủy ban Dân tộc...;

- Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam...;

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội, Văn phòng Tỉnh ủy Nghệ An; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định...;

- Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, Ủy ban nhân dân quận Ba Đình, Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản...;

- Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan...;

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư...;

- Vụ Tổng hợp, Vụ Hợp tác quốc tế, Phòng Nghiên cứu khoa học, Phòng Chính sách xã hội, Hội đồng Thi tuyển viên chức...

2. Tên cơ quan, tổ chức nước ngoài:

a) Tên cơ quan, tổ chức nước ngoài đã dịch nghĩa: Viết hoa theo quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức của Việt Nam.

Ví dụ: Liên hợp quốc (UN), Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

b) Tên cơ quan, tổ chức nước ngoài được sử dụng trong văn bản ở dạng viết tắt: Viết bằng chữ in hoa như nguyên ngữ hoặc chuyển tự La-tinh nếu nguyên ngữ không thuộc hệ La-tinh.

Ví dụ: WTO; UNDP; UNESCO; ASEAN; SNG.

V. VIẾT HOA CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

1. Danh từ thuộc trường hợp đặc biệt: Nhân dân (khi sử dụng như danh từ chỉ tên riêng, thể hiện sự trang trọng), Nhà nước (chỉ tên riêng Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi Nhà nước sử dụng như danh từ riêng).

2. Tên các huân chương, huy chương, các danh hiệu vinh dự: Viết hoa chữ cái đầu của các âm tiết của các thành phần tạo thành tên riêng và các từ chỉ thứ, hạng.

Ví dụ: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Nghệ sĩ Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang.

3. Tên chức vụ, học vị, danh hiệu: Viết hoa tên chức vụ, học vị nếu đi liền với tên người cụ thể.

Ví dụ:

- Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách...

- Giáo sư Tiến sĩ khoa học Phạm Văn M, Giáo sư Viện sĩ Nguyễn Văn H.

4. Tên các ngày lễ, ngày kỷ niệm: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết tạo thành tên gọi ngày lễ, ngày kỷ niệm.

Ví dụ: ngày Quốc khánh 2-9, ngày Tổng tuyển cử đầu tiên, ngày Truyền thống Văn phòng Quốc hội, ngày Quốc tế Lao động 1-5, ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10.

5. Tên các loại văn bản: Viết hoa chữ cái đầu của tên loại văn bản và chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản trong trường hợp nói đến một văn bản cụ thể.

Ví dụ: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Bộ luật Hình sự; Luật Tổ chức Quốc hội, Luật An toàn vệ sinh lao động,...

6. Trường hợp viện dẫn phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của một văn bản cụ thể thì viết hoa chữ cái đầu của phần, chương, mục, tiểu mục, điều.

Ví dụ:

- Căn cứ Điều 10 của Luật Tổ chức Quốc hội...

- Căn cứ khoản 4 Điều 18 của Luật An toàn vệ sinh lao động...

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 103 Mục 5 Chương XII Phần I của Bộ luật Hình sự...

- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Tiểu mục 1 Mục 1 Chương III của Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14...

7. Tên các năm âm lịch, ngày tết, ngày và tháng trong năm:

a) Tên các năm âm lịch: Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết tạo thành tên gọi.

Ví dụ: Kỷ Tỵ, Tân Hợi, Mậu Tuất, Mậu Thân.

b) Tên các ngày tết: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi.

Ví dụ: tết Nguyên đán, tết Đoan ngọ, tết Trung thu.

Viết hoa chữ Tết trong trường hợp dùng để thay cho một tết cụ thể (như Tết thay cho tết Nguyên đán).

c) Tên các ngày trong tuần và tháng trong năm: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết chỉ ngày và tháng trong trường hợp không dùng chữ số:

Ví dụ: thứ Hai, thứ Tư, tháng Năm, tháng Tám...

8. Tên các sự kiện lịch sử và các triều đại: Viết hoa chữ cái đầu của các âm tiết tạo thành sự kiện và tên sự kiện, trong trường hợp có các con số chỉ mốc thời gian thì ghi bằng chữ và viết hoa chữ đó. Ví dụ: Triều Lý, Triều Trần, Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, Cách mạng tháng Tám,...

9. Tên các tác phẩm, sách báo, tạp chí: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên tác phẩm, sách báo. Ví dụ: từ điển Bách khoa toàn thư, tạp chí Cộng sản,...

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng